

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG TW

Số: 175/TB- TMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Kết quả điểm thi vấn đáp vòng 2
kỳ tuyển dụng lao động hợp đồng năm 2026 (đợt 2)

Căn cứ thông báo số 159/TB-TMH ngày 03/9/2026 của Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương về việc tuyển dụng lao động hợp đồng năm 2026 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-TMH ngày 23/9/2026 của Giám đốc Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương về việc thành lập các Hội đồng tư vấn tuyển dụng lao động hợp đồng năm 2026 (đợt 2);

Căn cứ kết quả tổ chức kiểm tra, sát hạch, đánh giá trình độ chuyên môn bằng hình thức vấn đáp vòng 2 đối với các thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng lao động hợp đồng năm 2026 (đợt 2);

Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương thông báo kết quả thi vấn đáp vòng 2 đến các thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng lao động hợp đồng năm 2026 (có bảng kết quả kèm theo).

Lưu ý: Bệnh viện không thực hiện phúc khảo đối với kết quả vấn đáp theo quy định.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử <http://www.noh.vn>;
- Niêm yết tại Bảng tin BV;
- Các thí sinh dự thi (qua gmail);
- Lưu: VT, TCCB.

Phm

GIÁM ĐỐC *Quang*
BỆNH VIỆN
TAI-MŨI-HỌNG
TRUNG ƯƠNG
Phạm Tuấn Cảnh
Phạm Tuấn Cảnh

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THI VẤN ĐÁP VÒNG 2 CỦA CÁC THÍ SINH
KỲ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG NĂM 2026 (Đợt 2)**

(Kèm theo Thông báo số 175/TB-TMH ngày 07/10/2026 của Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương)

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	BÁC SĨ UNG THU'								
1	1	Nguyễn Minh Nhật	25/12/1997		BSUT.01	Không	0	75	75
II	BÁC SĨ GIẢI PHẪU BỆNH								
2	1	Sầm Thu Hương		21/3/1989	BSGPB.01	Người dân tộc thiểu số	5	75	80
III	BÁC SĨ GÂY MÊ - HỒI SỨC								
3	1	Bùi Hà Trang		28/4/2000	BSGM.01	Không	0	80.33	80.33
IV	BÁC SĨ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH								
4	1	Phạm Tiến Đạt	17/1/2000		BSXQ.01	Không	0	75	75
5	2	Nguyễn Mạnh Tiến	28/12/1992		BSXQ.02	Không	0	45	45

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	BÁC SĨ TAI MŨI HỌNG								
6	1	Nguyễn Hoàng Giang	16/9/1998		BSTMH.03	Không	0	85	85
7	2	Nguyễn Đình Danh	17/9/1998		BSTMH.02	Không	0	75	75
8	3	Đỗ Minh Khang	26/08/1997		BSTMH.06	Không	0	70	70
9	4	Đào Chí Công	12/11/1996		BSTMH.01	Không	0	65	65
10	5	Dương Thị Hạnh		24/10/1998	BSTMH.04	Không	0	60	60
11	6	Nguyễn Trung Hiếu	27/05/1996		BSTMH.05	Không	0	30	30
VI	ĐIỀU DƯỠNG CAO ĐẲNG								
12	1	Đỗ Thị Hiền		25/5/1990	ĐD.09	Không	0	75	75
13	2	Phạm Tuấn Anh	13/5/1998		ĐD.02	Không	0	70	70
14	3	Cao Thanh Hiền		1/7/2004	ĐD.08	Không	0	70	70
15	4	Nguyễn Thị Hải Hà		1/9/1991	ĐD.06	Không	0	69.50	69.50
16	5	Nguyễn Thị Phương Anh		23/7/1999	ĐD.01	Không	0	65	65

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17	6	Trần Thị Lan Anh		10/10/2001	ĐD.03	Không	0	65	65
18	7	Trịnh Kim Ngân		26/12/1995	ĐD.14	Không	0	65	65
19	8	Lê Công Tuấn	8/11/2000		ĐD.20	HTNVQS	2.5	60	62.50
20	9	Trịnh Thị Thu		19/8/2001	ĐD.18	Không	0	60	60
21	10	Lương Thị Thu Thủy		9/9/2001	ĐD.19	Không	0	55	55
22	11	Trương Thị Kim Chi		10/7/1994	ĐD.04	Không	0	40	40
23	12	Trịnh Thanh Ngân		9/1/1999	ĐD.15	Không	0	40	40
24	13	Vũ Thị Thùy Linh		25/6/1996	ĐD.11	Không	0	35	35
25	14	Nguyễn Thu Thảo		2/6/1997	ĐD.17	Không	0	35	35
26	15	Nguyễn Thị Thảo Ly		26/4/2000	ĐD.12	Không	0	30	30
27	16	Trần Thị Quỳnh Mai		8/3/1993	ĐD.13	Không	0	30	30
28	17	Nguyễn Thị Phương Thảo		20/8/2002	ĐD.16	Không	0	30	30
29	18	Nguyễn Minh Giang	5/10/1993		ĐD.05	Không	0	25	25

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
30	19	Nguyễn Thị Hằng		25/10/1997	ĐD.07	Không		Không tham dự thi vòng 2	0
31	20	Nguyễn Hồng Liên		22/3/2000	ĐD.10	Không		Không tham dự thi vòng 2	0
VII KỸ THUẬT Y (XÉT NGHIỆM)									
32	1	Nguyễn Thế Tùng	13/9/1996		KTY.06	Không	0	62	62
33	2	Đặng Hồng Nhung		22/9/2002	KTY.04	Không	0	45	45
34	3	Nguyễn Phú Hiếu	18/7/1995		KTY.03	Không	0	42.75	42.75
35	4	Phạm Thị Hiền		6/4/2003	KTY.02	Không	0	40.25	40.25
36	5	Ngô Tuấn Anh	21/9/1999		KTY.01	Không	0	37.75	37.75
37	6	Nguyễn Văn Thắng	21/3/2004		KTY.05	Không	0	37	37
38	7	Hoàng Ngọc Vương	3/9/1996		KTY.07	Không	0	35	35

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
VIII DƯỢC SĨ CAO ĐẲNG									
39	1	Trần Nguyễn Linh Chi		10/02/2003	DSCĐ.01	Không	0	68.33	68.33
40	2	Nguyễn Thị Hương		24/09/1999	DSCĐ.03	Không	0	50	50
41	3	Nguyễn Thu Hiền		2/9/2002	DSCĐ.02	Không	0	33.67	33.67
IX DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC									
42	1	Trịnh Vũ Tuệ Minh		8/9/2003	DSĐH.14	Không	0	81.67	81.67
43	2	Trần Hoàng Hưng	7/6/1996		DSĐH.09	Con thương binh	5	75	80
44	3	Tổng Khánh Linh		25/01/2001	DSĐH.12	Không	0	71.67	71.67
45	4	Nguyễn Thị Kim Anh		5/3/2002	DSĐH.02	Không	0	70	70
46	5	Nguyễn Văn Thịnh	19/05/1997		DSĐH.19	Người dân tộc thiểu số	5	56.67	61.67
47	6	Hoàng Thùy Vân		25/9/1994	DSĐH.23	Người dân tộc thiểu số	5	50.67	55.67

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
48	7	Ngô Thị Hà		23/09/1993	DSĐH.07	Không	0	55	55
49	8	Quách Mai Phương		21/08/1999	DSĐH.17	Người dân tộc thiểu số	5	50	55
50	9	Phạm Bảo Khánh		2/6/2003	DSĐH.10	Người dân tộc thiểu số	5	47.33	52.33
51	10	Bùi Minh Thành	15/05/1998		DSĐH.18	Người dân tộc thiểu số	5	46.67	51.67
52	11	Ma Thị Yếm		16/9/2001	DSĐH.24	Người dân tộc thiểu số	5	45.67	50.67
53	12	Trần Ngọc Anh		23/5/2001	DSĐH.03	Con bệnh binh loại I	5	45	50
54	13	Mai Thị Thùy Dung		19/01/2000	DSĐH.06	Không	0	50	50
55	14	Nguyễn Thị Mai		17/10/1999	DSĐH.13	Không	0	50	50
56	15	Vũ Hồng Ngọc		18/6/2000	DSĐH.16	Không	0	50	50
57	16	Nguyễn Yên Trang		08/09/2000	DSĐH.20	Con liệt sĩ	5	45	50
58	17	Đỗ Thị Thanh Uyên		22/5/2003	DSĐH.22	Không	0	45	45
59	18	Nguyễn Ngọc Băng		14/11/2003	DSĐH.04	Không	0	40	40

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
60	19	Hà Thị Phương Anh		10/10/1999	DSĐH.01	Không	0	35	35
61	20	Lê Ngọc Bảo	18/4/2003		DSĐH.05	Không	0	28.33	28.33
62	21	Chu Quốc Tuấn	9/12/2003		DSĐH.21	Không	0	25	25
63	22	Chu Nguyên Thảo Linh		01/05/2002	DSĐH.11	Không	0	11.67	11.67
64	23	Nguyễn Ánh Ngọc		15/2/1999	DSĐH.15	Không	0	10	10
65	24	Lê Thị Hoa		08/01/2003	DSĐH.08	Không	Không tham dự thi vòng 2		0
X	KỸ SƯ/CỬ NHÂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN								
66	1	Đặng Thị Thu Quỳnh		24/11/2000	CNTT.06	Không	0	71.67	71.67
67	2	Lê Thanh Hiền		5/2/1999	CNTT.03	Không	0	66.67	66.67
68	3	Nguyễn Thái Quân	28/12/2001		CNTT.04	Không	0	53.67	53.67
69	4	Từ Minh Quang	18/11/1991		CNTT.05	HTNVQS	2.5	49.33	51.83

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
70	5	Đào Thị Dịu		5/1/1985	CNTT.02	Con đẻ người hoạt động kháng chiến nhiệm chất độc hóa học	5	45	50
71	6	Vũ Trọng Đắc	18/7/1999		CNTT.01	Con đẻ người hoạt động kháng chiến nhiệm chất độc hóa học	5	44.33	49.33
XI CHUYÊN VIÊN TỔNG HỢP									
TRUNG TÂM ĐT-CĐT									
72	1	Nguyễn Lê Hoa		07/08/2002	CVTH.ĐT.05	Không	0	71	71
73	2	Vũ Thùy Dương		28/11/2004	CVTH.ĐT.02	Không	0	55	55
74	3	Nguyễn Thị Hồng		08/09/1990	CVTH.ĐT.06	Không	0	38.33	38.33
75	4	Nguyễn Thị Minh Phương		26/04/1990	CVTH.ĐT.08	Không	0	34.67	34.67
76	5	Nguyễn Thúy Quỳnh		08/11/2001	CVTH.ĐT.09	Không	0	33.67	33.67
77	6	Phạm Thị Trâm Anh		06/11/1999	CVTH.ĐT.01	Không	0	31.33	31.33

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
78	7	Trần Thu Hiền		07/12/1991	CVTH.ĐT.04	Không	0	28.33	28.33
79	8	Lê Thị Tuệ Minh		27/07/2003	CVTH.ĐT.07	Không	0	26.33	26.33
80	9	Ứng Nguyễn Thảo Hằng		12/06/2002	CVTH.ĐT.03	Không	Không tham dự thi vòng 2		0
HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ									
81	1	Lưu Ngọc Mai		9/6/2000	CVTH.HC.10	Không	0	71	71
82	2	Nguyễn Hà Quỳnh Anh		29/07/2003	CVTH.HC.02	Không	0	65	65
83	3	Văn Thị Tiến		3/10/1986	CVTH.HC.12	Con thương binh	5	55	60
84	4	Vũ Thị Khánh Linh		10/12/2001	CVTH.HC.08	Không	0	56.67	56.67
85	5	Lê Thu Hà		01/09/1999	CVTH.HC.05	Không	0	56	56
86	6	Trương Quốc Đạt	08/03/2001		CVTH.HC.03	Không	0	51	51
87	7	Nguyễn Văn Dương	27/03/1994		CVTH.HC.04	Không	0	51	51

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
88	8	Phạm Ngọc Linh		10/09/2003	CVTH.HC.07	Không	0	48	48
89	9	Nguyễn Phương Mai		12/1/2004	CVTH.HC.11	Không	0	41.33	41.33
90	10	Vũ Đức Trường An	27/08/2002		CVTH.HC.01	Không	0	36	36
91	11	Vũ Ngọc Hiếu		25/11/1989	CVTH.HC.06	Không	Không tham dự thi vòng 2		0
92	12	Hoàng Thị Loan		23/11/1990	CVTH.HC.09	Không	Không tham dự thi vòng 2		0
XII CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN									
93	1	Trần Thanh Hào		14/11/1984	CTXH.04	Không	0	65	65
94	2	Võ Quang Huy	24/9/1998		CTXH.05	Không	0	60.67	60.67
95	3	Phạm Thị Mỹ Thiện		16/08/1982	CTXH.08	Không	0	60.67	60.67
96	4	Lê Thị Tuyết		28/04/2003	CTXH.10	Không	0	60	60

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
97	5	Ngô Thanh Tùng	18/02/1999		CTXH.09	Không	0	55	55
98	6	Đinh Bùi Mỹ Hạnh		03/12/2003	CTXH.03	Không	0	51	51
99	7	Nguyễn Lê Ngọc Hân		02/11/2004	CTXH.02	Không	0	50	50
100	8	Đặng Diệu Anh		9/12/2003	CTXH.01	Không	Không tham dự thi vòng 2		0
101	9	Bùi Thùy Linh		24/05/1999	CTXH.06	Không	Không tham dự thi vòng 2		0
102	10	Đỗ Đăng Tạo	07/06/1989		CTXH.07	HTNVQS	Không tham dự thi vòng 2		0
XIII CÁN SỰ VỀ HÀNH CHÍNH - VĂN PHÒNG									
103	1	Nguyễn Thị Duân		2/9/1992	CS.01	Không	0	55	55
104	2	Nguyễn Thị Thu Hà		2/1/1993	CS.02	Con bệnh binh hạng B2 61%	5	35	40

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
XIV NHÂN VIÊN PHỤC VỤ									
105	1	Vũ Thu Hà		5/10/2003	NVPV.03	Không	0	75	75
106	2	Trần Văn Duy	15/6/1992		NVPV.01	Không	0	71	71
107	3	Nguyễn Khánh Linh		18/06/1994	NVPV.10	Không	0	71	71
108	4	Nguyễn Phương Minh		16/08/2002	NVPV.12	Không	0	60	60
109	5	Hồ Thị Quỳnh Ngọc		2/12/1991	NVPV.13	Không	0	60	60
110	6	Ngô Diễm Quỳnh		6/11/1999	NVPV.15	Không	0	55	55
111	7	Nguyễn Thị Thanh Hương		14/11/1998	NVPV.06	Không	0	51	51
112	8	Vũ Bá Khánh Duy	09/05/1995		NVPV.02	Không	0	43.33	43.33
113	9	Đinh Ngọc Huyền		16/11/1999	NVPV.07	Người dân tộc thiểu số	5	28.67	33.67
114	10	Đỗ Thùy Linh		22/08/2000	NVPV.09	Không	0	25	25

TT		Họ và tên	Ngày sinh		Số báo danh	Điểm ưu tiên		Điểm thi vấn đáp vòng 2	Tổng cộng điểm (8)+(9)
			Nam	Nữ		Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
115	11	Đỗ Thị Minh Phương		12/10/2000	NVPV.14	Không	0	22.33	22.33
116	12	Trần Trung Hiếu	5/9/1993		NVPV.04	Không	0	21	21
117	13	Nguyễn Thị Khánh Ly		13/3/1996	NVPV.11	Không	0	20	20
118	14	Lương Thị Thu Huyền		21/10/1981	NVPV.08	Không	0	19	19
119	15	Lê Thị Khánh Hòa		10/10/1989	NVPV.05	Không	0	13.33	13.33

GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Cảnh